

Số: 43/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án
Khu trung tâm cửa khẩu Đắk Ruê, xã Ea Bung, huyện Ea Súp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm cửa khẩu Đắk Ruê, xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 219/TTr-SXD ngày 18/12/2017 kèm theo Báo cáo thẩm định số 735/BC-SXD ngày 18/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm cửa khẩu Đắk Ruê, xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm cửa khẩu Đắk Ruê, xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.

3. Đơn vị tư vấn: Viện Quy hoạch xây dựng phát triển nông thôn.

4. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Địa điểm quy hoạch: Nằm trên trục chính Cột mốc 42, thuộc xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Ranh giới khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Đông giáp : Khu dân cư đô thị dự kiến;

+ Phía Tây giáp : Biên giới Việt Nam và Campuchia;

+ Phía Nam giáp : Đồn Biên phòng và công trình công cộng dự kiến;

+ Phía Bắc giáp : Khu phi thuế quan, thương mại và khu dân cư đô thị dự kiến.

5. Quy mô dân số, diện tích lập quy hoạch:

- Quy mô dân số : Khoảng 840 người.

- Diện tích lập quy hoạch : 602.753,01 m².

6. Mục tiêu của đồ án:

- Cụ thể hoá Quy hoạch chung xây dựng cửa khẩu Đăk Ruê đến năm 2025 là đô thị hiện đại, có bản sắc, phát triển bền vững, phát huy thế mạnh của các yếu tố đặc thù tạo sức hấp dẫn, cạnh tranh cao, thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; tạo vùng kinh tế động lực để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực từ sản xuất nông, lâm nghiệp sang kinh doanh thương mại, dịch vụ; xây dựng vùng biên giới Việt Nam - Campuchia hoà bình, hữu nghị, ổn định, phát triển, tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại giữa hai nước; phát triển không gian kiến trúc đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên.

- Làm cơ sở để quản lý đất đai và đầu tư xây dựng dự án theo quy hoạch được duyệt; làm cơ sở khai thác và thu hút nguồn lực đầu tư vào du lịch; xây dựng các chính sách thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế.

7. Quy hoạch sử dụng đất: Tại Phụ lục số 01 kèm theo.

8. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc: Tại Phụ lục số 02 kèm theo.

9. Giải pháp kiến trúc và tổ chức không gian quy hoạch:

a) Phân khu chức năng (*Bản đồ quy hoạch sử dụng đất, ký hiệu bản vẽ KT-04; Bản đồ quy hoạch tổng thể không gian kiến trúc cảnh quan, ký hiệu KT-05; Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ - chỉ giới xây dựng, ký hiệu KT-07*): Bám theo trục chính trung tâm khu đô thị cửa khẩu Đăk Ruê Quốc lộ 29, xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đăk Lăk gồm: Khu vực cửa khẩu; Khu trung tâm dịch vụ, thương mại; Khu công trình công cộng (*cơ quan hành chính, văn phòng đại diện, ...*); Khu nhà ở (*dịch vụ, thương mại, liền kề, ...*); Khu quảng trường, hoa viên cây xanh, thảm cỏ, mặt nước được bố trí như sau:

- Khu vực cửa khẩu: Bao gồm các khối công trình (*Quốc môn, trạm kiểm soát liên hợp, khu nhà chờ làm thủ tục, nhà công vụ, khu ngoại quan, khu kiểm dịch động thực vật, khu thương mại tự do, hạ tầng kỹ thuật*) được bố trí về phía Tây khu đất, với tổng diện tích đất là 13,88 ha; tỷ lệ chiếm 23,04%, xung quanh tiếp giáp các trục đường nội bộ và Quốc lộ 14C, tổ chức bố trí bãi đậu xe, giao thông nội bộ cho khu chức năng đan xen cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ tạo một không gian đa dạng, linh hoạt. Ngoài ra tổ chức công năng đảm bảo hoạt động dây chuyền của cửa khẩu.

- Khu công trình công cộng: Gồm các công trình (*trụ sở UBND, Công an, trạm y tế, văn phòng đại diện & cho thuê của các cơ quan, doanh nghiệp*) được bố trí về phía Bắc, phía Nam, phía Tây khu đất, với tổng diện tích đất là 9,0 ha, tỷ lệ chiếm 14,95%, mặt chính của các hạng mục nằm trên trục chính của đô thị, xung

quanh tiếp giáp các trục đường nội bộ, trong khu vực đất các công trình bố trí bãi đậu xe, giao thông nội bộ đan xen cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ.

- Khu trung tâm thương mại dịch vụ: Được bố trí về phía Bắc với tổng diện tích đất là 3,03 ha, tỷ lệ chiếm 5,04%, hướng tiếp xúc chính bám theo trục chính trung tâm khu đô thị cửa khẩu Đắc Ruê, xung quanh tiếp giáp các trục đường nội bộ, trong khu vực đất các công trình bố trí bãi đậu xe, giao thông nội bộ đan xen cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ.

- Khu ở: Bao gồm các khu (nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại, nhà liền kề) được bố trí lõi khu đất, với tổng diện tích đất là 3,55 ha, tỷ lệ chiếm 5,90%, xung quanh tiếp giáp các trục đường nội bộ, trong khu vực đất bố trí giao thông nội bộ đan xen cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ.

- Các điểm dừng nghỉ, bãi đậu xe: Bao gồm công trình phục vụ các điểm dừng nghỉ, bãi đậu xe, với tổng diện tích đất là 2,57 ha, tỷ lệ chiếm 4,28%, nằm tại giao điểm giữa Quốc lộ 14C và trục chính đô thị, xung quanh tiếp giáp các trục đường nội bộ.

- Khu quảng trường, hoa viên cây xanh, thảm cỏ, mặt nước: Toàn bộ chiếm tỷ lệ 15,29%, được bố trí dọc trục chính của khu trung tâm đô thị tạo nên một không gian mở cho từng khu, đồng thời hoa viên cây xanh, thảm cỏ, mặt nước đan xen với các khối công trình khác tạo nên tổng thể với môi trường sinh thái lý tưởng.

b) Kiến trúc và tổ chức không gian:

- Hình thức kiến trúc chung cho các công trình đảm bảo tính thống nhất, mang nét hiện đại nhằm tạo ra nét riêng cho đô thị cửa khẩu. Đồng thời tổ chức không gian giữa các khối của từng loại công trình cho hợp lý, kết hợp giữa hiện đại và đặc điểm khu vực Tây Nguyên tạo nên một khu đô thị mang bản sắc riêng, bền vững.

- Riêng khu vực cửa khẩu bố trí các công trình mang chức năng quan trọng như: Quốc môn, Trạm kiểm soát với chiều cao tạo điểm nhấn chính tại trục chính của đô thị và mang tính trang nghiêm riêng cho cửa khẩu.

- Trục chính trung tâm đô thị: Là trục có tính chất hoạt động chính thương mại dịch vụ và bố trí các văn phòng đại diện & cho thuê của các cơ quan, doanh nghiệp cần tạo dựng không gian linh hoạt, mang tính hoạt động điển hình riêng của thương mại. Đường nét kiến trúc của các khối công trình phải hiện đại, đồng nhất, mang điểm nhấn chính đồng thời tạo tầm nhìn cho tương lai.

- Khu quảng trường hành chính và khu công trình công cộng, hành chính kết hợp tạo lập không gian trang nghiêm, thể hiện bộ mặt đô thị.

- Tổ chức dải cây xanh dọc theo các tuyến đường phố kết nối với vườn hoa, công viên và các tiểu hoa viên, quảng trường, hồ nước nhân tạo trong khu dự án tạo thành các mảng cây xanh, mặt nước liên hoàn, đảm bảo các chỉ tiêu chung của cây xanh đô thị, tôn tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường.

- Ngoài ra trong đô thị bố trí các không gian đi bộ và thư giãn, kết hợp các công trình kiến trúc nhỏ (tượng đài, đài phun nước, tiểu cảnh,...).

10. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch cấp điện (*Bản đồ quy hoạch cấp điện*):

- Về nguồn điện: Cấp từ trạm 35/22kV-(4000 + 6300)kVA trạm trung gian Ea Súp, cách cửa khẩu 30m theo dự án phát triển lưới điện tỉnh Đắk Lắk đến năm 2015.

- Hệ thống lưới điện trung áp 22kV: Đường dây nổi 22kV biên giới (lộ 472-F17) từ trạm 35/22kV Ea Súp đến vẫn giữ nguyên hiện trạng để cấp cho các đồn Biên phòng; Xây dựng mới tuyến 22kV lộ kép, từ trạm 35/22kV Ea Súp, đi nổi ven theo Quốc lộ 29 để cấp cho các phụ tải khu vực cửa khẩu. Lưới điện 22kV đi ngầm, sử dụng cáp lõi đồng cách điện Cu/XLPE/DSTA/PVC-185.

- Trạm lưới 22/0,4kV: Các trạm biến xây dựng mới đặt tại trung tâm phụ tải, gần đường giao thông có bán kính phục vụ < 300m, sử dụng điện áp 22/0,4kV, công suất máy biến áp từ 250-630kVA. Khu trung tâm cửa khẩu xây dựng 78 trạm hạ thế 22/0,4kV; Lưới hạ áp 0,4kV: đi ngầm sử dụng cáp lõi đồng cách điện Cu/XLPE/DSTA/PVC, tiết diện dây dẫn 95,120.

- Lưới chiếu sáng: Đối với trục QL29, QL14C quy hoạch các trục đường đôi, lưới chiếu sáng bố trí đi ngầm ở giải phân cấp; Hệ thống chiếu sáng mạng đường dùng đèn Halozen đảm bảo độ rọi 1,2-0,4cd/m², sử dụng cột đèn bê tông ly tâm cao 9-10m bóng đèn có công suất 125W & 250W. Các khu vực công viên, cây xanh, TDTT, ... dùng đèn chùm 4 bóng hoặc đèn nắm cao 3,5-4,5m, toàn bộ đi cáp ngầm XLPE 4x16 lõi đồng. Ngoài ra chiếu sáng trang trí chỉ áp dụng ở một số trục đường chính, đảo xoay, vườn hoa, quảng trường trong những ngày lễ hội.

- Hệ thống điện nội bộ dự án: Từ trạm biến áp dùng hệ thống cáp đồng vỏ cách điện Cu/XLPE/PVC luồn trong ống nhựa chịu lực HDPE được chôn ngầm dưới đất dẫn đến các tủ hạ thế cấp điện cho công trình; Lưới điện chiếu sáng đường nội bộ: Toàn bộ các đường nội bộ khu dự án đều được chiếu sáng. Chỉ tiêu chiếu sáng đường đảm bảo độ chói của mỗi loại đường.

b) Quy hoạch giao thông (*Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ - chỉ giới xây dựng*):

Các chỉ tiêu kỹ thuật, chỉ giới đường đỏ các tuyến đường giao thông trong phạm vi dự án: Tại Phụ lục số 03 kèm theo

c) Quy hoạch cấp nước và phòng cháy chữa cháy (*Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước*): Nguồn nước cấp cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy dự kiến đặt nhà máy nước khu cửa khẩu khai thác hồ thủy lợi 739 cấp vào bể nước ngầm cho từng khu vực phục vụ cho phòng cháy chữa cháy, riêng hệ thống cấp nước sinh hoạt được cấp lên đài chứa nước cho từng khu vực thông qua ống kẽm D34.

d) Quy hoạch san nền, thoát nước mặt, vệ sinh môi trường:

- Quy hoạch san nền (*bản đồ quy hoạch san nền*): Tận dụng địa hình tự nhiên, san lấp cục bộ trong khu dự án, cân bằng đào đắp tại chỗ, đảm bảo thoát nước mưa thuận lợi, không ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực, đồng thời áp dụng

giải pháp san lấp từng khu vực có độ dốc trung bình là 0,43%. Các trục đường giao thông độ dốc khống chế tối thiểu 0,3%.

- Quy hoạch thoát nước mưa (*bản đồ quy hoạch thoát nước mặt*): Thoát nước tự chảy và sử dụng hệ thống mương thu nước để thu toàn bộ nước trong khu vực công trình tập trung dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực sử dụng cống bê tông cốt thép D=600-1000mm đặt hai bên vỉa hè các tuyến đường. Khu vực và hướng thoát nước chia làm 3 lưu vực thoát nước chính (*lưu vực hướng thoát ra hồ thủy lợi và lưu vực suối phía Nam*) lấy trục đường trung tâm làm phân lưu vực.

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải sinh hoạt: Xử lý cục bộ trong công trình bằng các bể tự hoại, giếng thấm, chõu đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực về phía Tây đến trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch chung.

- Quy hoạch chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt được tập trung về thùng rác, sau đó được vận chuyển bằng xe chuyên dùng về khu xử lý chôn lấp chất rắn của huyện Ea Súp.

11. Hồ sơ quy hoạch đơn vị tư vấn đã thực hiện và chi phí lập quy hoạch:

a) Thành phần hồ sơ quy hoạch: Tại Phụ lục số 04 kèm theo.

b) Chi phí lập quy hoạch: Sau khi quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt, Chủ đầu tư có trách nhiệm lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc thực tế đã thực hiện đối chiếu chi phí dự toán lập quy hoạch được duyệt để thống nhất chi phí quyết toán theo trình tự, quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1.1. Căn cứ quy hoạch được duyệt với những nội dung chính nêu trên, cơ quan quản lý quy hoạch đô thị các cấp hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch cho các chủ đầu tư xây dựng được biết, thực hiện. Đồng thời, làm căn cứ thực hiện quản lý đất đai và xây dựng.

1.2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm cửa khẩu Đăk Ruê, xã Ea Bung, huyện Ea Súp được UBND tỉnh phê duyệt, giao UBND huyện Ea Súp phối hợp với Sở Xây dựng công bố rộng rãi quy hoạch xây dựng để tổ chức, cá nhân biết kiểm tra và thực hiện.

1.3. Giao UBND huyện Ea Súp lập hồ sơ cắm mốc các tuyến giao thông ngoài thực địa theo quy hoạch xây dựng được duyệt, làm cơ sở cho việc quản lý đất đai, xây dựng công trình theo quy hoạch.

1.4. Ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện Ea Súp ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm cửa khẩu Đăk Ruê, xã Ea Bung, huyện Ea Súp trong thời gian 60 ngày, kể từ khi quy hoạch xây dựng được

duyet, sau khi có văn bản thỏa thuận của Sở Xây dựng đảm bảo việc quản lý quy hoạch theo pháp luật.

1.5. Trên cơ sở Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm cửa khẩu Đắc Ruê, xã Ea Bung, huyện Ea Súp được duyệt, Sở Xây dựng, UBND huyện Ea Súp cập nhật và công bố kịp thời, đầy đủ các dự án đầu tư đã và đang triển khai để các tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện. Quá trình tổ chức thực hiện, xét thấy cần có những điều chỉnh cục bộ so với quy hoạch được duyệt, UBND huyện Ea Súp tổng hợp ý kiến địa phương, báo cáo Sở Xây dựng để kiểm tra và đề xuất UBND tỉnh quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 3535/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm cửa khẩu Đắc Ruê, xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngoại vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông Vận tải; Chủ tịch UBND huyện Ea Súp; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - TT. HĐND tỉnh (b/c);
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Các PVP UBND tỉnh;
 - Trung tâm TT - CB;
 - Website tỉnh Đắk Lắk;
 - Lưu: VT, TH, NN-MT, CN (CG-28).
- (QĐUB- QHCT Cửa khẩu Đắc Ruê, Ea Bung, Ea Súp)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục số 01
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh)

TT	Loại đất	Quy hoạch sử dụng đất	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất khu vực QHCT	602.753,01	100,00
A	Đất xây dựng các khu chức năng	320.691,00	53,21
I	Đất xây dựng các khu chức năng cửa khẩu	138.894,00	23,04
	Quốc môn (kí hiệu CQ-03)	2.600,00	0,43
	Trạm kiểm soát liên hợp (kí hiệu CQ-04)	8.526,00	1,41
	Khu nhà công vụ (kí hiệu CQ-05)	27.455,00	4,55
	Khu kiểm dịch động thực vật (kí hiệu CQ-01)	22.502,00	3,73
	Khu ngoại quan (kí hiệu CQ-02)	25.118,00	4,17
	Khu trung tâm dịch vụ thương mại (kí hiệu CC-04)	22.155,00	3,68
	Khu dịch vụ ăn uống, giải khát (kí hiệu CC-05)	30.538,00	5,07
II	Đất xây dựng các khu chức năng khác	181.797,00	30,17
	Đất công trình công cộng (cơ quan, doanh nghiệp)	90.096,00	14,95
	Đất công trình hành chính (kí hiệu CC-01,02,03)	37.143,00	6,16
	Đất công trình cơ quan và doanh nghiệp (kí hiệu CQ-06,07,08,09)	52.953,00	8,79
	Đất công trình thương mại dịch vụ (kí hiệu DV-1,2)	30.372,00	5,04
	Đất ở (kí hiệu OM-1,2)	35.557,00	5,90
	Đất các điểm dừng nghỉ, bãi đậu xe (kí hiệu HTKT-01,02)	25.772,00	4,28
B	Đất cây xanh, quảng trường, vườn hoa, mặt nước (kí hiệu CX-01, ..., 08)	95.289,00	15,81
C	Đất giao thông	186.773,01	30,98
D	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật		
	Mật độ đường	km/km ²	5,2
	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ng.đêm	600,00
	Thoát nước sinh hoạt	m ³ /ng.đêm	330,00
	Rác thải sinh hoạt	tấn/ngày	8,3
	Cấp điện (sinh hoạt, công cộng)	kW	1.698,2

Phụ lục số 02

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHỦ YẾU

(Ban hành kèm theo Quyết định số **43** /QĐ-UBND ngày **05/01/2018** của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu %	Diện tích đất (m ²)	Chỉ tiêu tầng cao		Mật độ XD (%)
				tối thiểu (tầng)	tối đa (tầng)	
I	Đất xây dựng các khu chức năng cửa khẩu	25,43	138.894,00	-	-	-
	Quốc môn (kí hiệu CQ-03)		2.600,00	-	-	-
	Trạm kiểm soát liên hợp (kí hiệu CQ-04)		8.526,00	02	04	40
	Khu nhà công vụ (kí hiệu CQ-05)		27.455,00	02	03	30
	Khu kiểm dịch động thực vật (kí hiệu CQ-01)		22.502,00	01	02	30
	Khu ngoại quan (kí hiệu CQ-02)		25.118,00	01	04	30
	Khu trung tâm dịch vụ thương mại (kí hiệu CC-04)		22.155,00	01	04	40
	Khu dịch vụ ăn uống, giải khát (kí hiệu CC-05)		30.538,00	01	04	40
II	Đất xây dựng các khu chức năng khác	15,86	181.797,00	-	-	-
	Đất công trình công cộng (cơ quan, doanh nghiệp)		90.096,00	-	-	-
	Đất công trình hành chính (kí hiệu CC-01,02,03)		37.143,00	02	04	40
	Đất công trình cơ quan và doanh nghiệp (kí hiệu CQ-06,07,08,09)		52.953,00	02	06	40
	Đất công trình thương mại dịch vụ (kí hiệu DV-1,2)		30,372,00	02	12	40
	Đất ở (kí hiệu OM-1,2)		35,557,00	01	05	80
	Đất các điểm dừng nghỉ, bãi đậu xe (kí hiệu HTKT-01,02)		25,772,00	01	02	30
VI	Đất cây xanh, quảng trường, vườn hoa, mặt nước (kí hiệu CX-01,...,08)	7,32	95.289,00	-	-	-

Phụ lục số 03

CÁC THÀNH PHẦN BẢN VẼ VÀ THUYẾT MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh)

STT	Tên đường	Kí hiệu	Lòng đường (m)	Vĩa hè (m)	Dải phân cách (m)	Chỉ giới xây dựng cách tim đường (m)	Bề rộng (m)
A	Giao thông đối ngoại						
	QL14C (trục chính đô thị)	Đ.1a.1	11+11	7,5+7,5	3	25	40
	Đường ra biên giới	Đ.2b.1	11	5+5	-	15,5	21
	Đường tuần tra biên giới	Đ.3.1	7	3+3	-	11,5	13
	QL29 (trục chính đô thị)						
	Đoạn 1	Đ.4a.1	11+11	(10+10) + (10+10)	20 + (24+24)	70	130
	Đoạn 2	Đ.4a.2	(11+11) + (28+28)	10+10	20 + (6+6)	70	130
	Đoạn 3	Đ.4a.3	11+11	10+10	20	36,0	62
	Đoạn 4	Đ.4b.1	11+11	10+10	3	27,5	45
	B	Giao thông nội thị					
Đường số 5a1		Đ.5a.1	11+11	6+6	6	22	40
Đường số 5a2		Đ.5a.2	11+11	6+6	6	22	40
Đường số 6.1		Đ.6.1	11	5+5	-	15,5 đối cơ quan 13,5 đối nhà ở	21
Đường số 6.2		Đ.6.2	11	5+5	-	15,5 đối cơ quan	21

STT	Tên đường	Kí hiệu	Lòng đường (m)	Vĩa hè (m)	Dải phân cách (m)	Chỉ giới xây dựng cách tim đường (m)	Bề rộng (m)
						13,5 đôi nhà ở	
	Đường số 7.1	Đ.7.1	11	5+5	-	15,5	21
	Đường số 9.1	Đ.9.1	11	5+5	-	15,5	21
	Đường số 19.1	Đ.19.1	11	5+5	-	15,5	21
	Đường số 20.1	Đ.20.1	11	5+5	-	15,5	21
	Đường số 29.1	Đ.29.1	11	5+5	-	15,5	21
C	Đại lộ đi bộ						
	Đường số 12.1	Đ.12.1	11	5+5	-	15,5	21
	Đường đi bộ						
	Đường số 14a.1	Đ.14a.1	11	5+5	-	15,5	21
	Đường số 14b.1	Đ.14b.1	11	5+5	-	15,5	21
	Đường đi khu phí thuế quan	Đ.30	11+11	6+6	-	22	40
	Đường số 29.1	Đ.29.1	11	5+5	-	13,5	17
	Đường số 16.1	Đ.15.6	11	5+5	-	13,5	21

+ Độ dốc dọc đường: $\geq 0,03\%$; độ dốc ngang đường: $\geq 2\%$

+ Bán kính bó vĩa: $\geq 7m$

Phụ lục số 04
CÁC THÀNH PHẦN BẢN VẼ VÀ THUYẾT MINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh)

STT	TÊN BẢN VẼ - HỒ SƠ	TỶ LỆ	SỐ LƯỢNG	
			MÀU	TRẮNG ĐEN
I	Phần bản vẽ			
1	Bản đồ vị trí và giới hạn khu đất (trích từ bản đồ quy hoạch chung nông thôn mới được duyệt hoặc quy hoạch sử dụng đất của xã) kết hợp mối liên hệ vùng	1/2.000 - 1/5.000	02	12
2	Các bản đồ về hiện trạng kiến trúc, cảnh quan, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, đánh giá quỹ đất xây dựng	1/500	02	12
3	Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	1/500	02	12
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500	02	12
5	Phối cảnh tổng thể	-	01	-
6	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường: Gồm có: - Quy hoạch giao thông, cắm mốc chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến HTKT; - Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật san nền, thoát nước mặt; - Quy hoạch cấp nước; - Quy hoạch cấp điện; - Quy hoạch thoát nước bản và VSMT - Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc	1/500	02	12
7	Bản đồ tổng hợp đường dây và đường ống kỹ thuật	1/500	02	12
8	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược	1/500	02	12
II	Phần văn bản			
1	Thuyết minh tổng hợp, đánh giá tác động MT (kèm theo bản vẽ thu nhỏ khổ A3)	A4		14

STT	TÊN BẢN VẼ - HỒ SƠ	TỶ LỆ	SỐ LƯỢNG	
			MÀU	TRẮNG ĐEN
2	Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt	A4		02
3	Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch	A4		02
III	Đĩa CD-Rom (chứa tất cả các dữ liệu trên)			03